

Số: 567/QĐ-UBND

Phú Thiện, ngày 26 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phân bổ dự toán chi thường xuyên và giao nhiệm vụ
thu năm 2020 cho các đơn vị dự toán.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Thiện về việc phê chuẩn dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện năm 2020,

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - KH tại Tờ trình số 394/TTr-TCKH ngày 24/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho các đơn vị dự toán cấp huyện (theo các biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi và mức trợ cấp bổ sung năm 2020 được giao. Thủ trưởng các đơn vị dự toán chịu trách nhiệm xây dựng dự toán chi tiết và sử dụng kinh phí đã phân bổ theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Kinh phí tiền lương là số tạm giao sẽ xác định lại khi xác định nhu cầu CCTL năm 2020.

- Dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp huyện đã trừ nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 từ 10% tiết kiệm đối với chi thường xuyên (sau khi trừ lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ quy định).

- Bố trí nguồn để thực hiện CCTL năm 2020 như sau:

+ Đối với các cơ quan, đơn vị có nguồn thu từ phí, lệ phí sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2020.

+ Các nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn thừa sau khi cân đối nhu cầu cải cách tiền lương theo mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng hoặc nguồn CCTL năm 2019 còn thừa chuyển nguồn sang (nếu có).

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - KH, Chi cục trưởng Chi cục thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Thủ trưởng các ban ngành liên quan và Thủ trưởng đơn vị dự toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Đ/c Cường - PCVP;
- Lưu: VT. *Quir*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ưm 2

Rơ Chăm La Ni

PHỤ LỤC 01

BIỂU TỔNG HỢP GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NĂM 2020

CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN

(Kèm theo Quyết định số: 564 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2019
của UBND huyện Phú Thiện)

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	Nguồn thu	23.710.000	
I	Phần thu từ các khoản thuế, phí, lệ phí - Chi cục thuế quản lý thu	13.200.000	
1	Thuế GTGT	5.454.000	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	400.000	
3	Thuế Tài nguyên	392.000	
4	Thu phạt, thu khác của thuế	800.000	
5	Lệ phí môn bài	145.000	
6	Thuế thu nhập cá nhân		
7	Thu phí & lệ phí	523.000	
8	Lệ phí trước bạ	5.186.000	
9	Tiền thuê đất	300.000	
10	Thu cấp tiền khai thác khoáng sản		
II	Thu bằng biện pháp tài chính	2.610.000	
1	Thu tiền cho thuê kiot, sạp chợ	50.000	Phòng TCKH
2	Phạt trật tự ATGT	2.060.000	Công an huyện
	- Do lực lượng công an huyện xử lý	2.060.000	
	- Do cơ quan nhà nước cấp huyện xử lý	0	
3	Thu khác ngân sách và phạt các loại	400.000	Phòng TCKH
4	Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm luật	100.000	Hạt kiểm lâm huyện
III	Thu tiền sử dụng đất	7.900.000	
1	Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất	7.900.000	
B	Phân bổ chi thường xuyên	213.167.144	
I	Sự nghiệp Giáo dục & đào tạo	157.477.008	
I.1	Giáo dục	152.919.988	
I.1.1	Khôi mẫu giáo	23.414.547	
1	Trường Mẫu giáo Hòa Mi	2.295.739	
2	Trường Mẫu giáo Hoa Sen	2.352.339	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
3	Trường Mẫu giáo Hoa Mai	1.647.558	
4	Trường Mầm non Hoa Hồng	2.074.832	
5	Trường Mầm non Hoa Phong Lan	1.993.034	
6	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	1.946.910	
7	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	2.229.250	
8	Trường Mẫu giáo Vàng Anh	1.319.113	
9	Trường Mẫu giáo Hoa Pơ Lang	1.614.713	
10	Trường Mẫu giáo 1/6	1.650.231	
11	Trường Mẫu giáo Sơn Ca	1.779.723	
12	Trường Mẫu giáo Ia Yeng	2.511.105	
I.1.2	Khối Tiểu học	72.813.930	
1	Trường TH Ngô Mây	4.131.072	
2	Trường TH Chu Văn An	5.785.721	
3	Trường TH Thắng Lợi	2.050.427	
4	Trường TH Lê Lợi	5.401.067	
5	Trường TH Kpă Klong	5.322.604	
6	Trường TH Anh Hùng Núp	6.392.534	
7	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	6.963.110	
8	Trường TH Nay Đer	3.521.919	
9	Trường TH Kim Đồng	3.001.915	
10	Trường TH Nguyễn Tri Phương	4.318.879	
11	Trường TH Phan Chu Trinh	6.125.217	
12	Trường TH Ngô Quyền	5.184.576	
13	Trường TH Nguyễn Trãi	3.284.013	
14	Trường TH Lý Tự Trọng	3.762.519	
15	Trường TH Trần Phú	3.889.993	
16	Trường TH Anh Hùng Vũu	3.678.363	
I.1.3	Khối THCS	47.818.511	
1	Trường THCS Quang Trung	2.552.042	
2	Trường THCS Trần Quốc Toản	5.544.776	
3	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	4.398.406	
4	Trường THCS Nguyễn Du	3.160.579	
5	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	4.532.630	
6	Trường THCS Lê Quý Đôn	2.968.117	
7	Trường THCS Trưng Vương	2.678.971	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
8	Trường THCS Dân tộc nội trú	9.013.195	
9	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	3.677.647	
10	Trường THCS Ngô Gia Tự	2.628.368	
11	Trường THCS Trường Chinh	3.383.719	
12	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	3.280.062	
I.1.4	Phòng Giáo dục & Đào tạo	8.873.000	
I.2	Đào tạo	4.557.020	
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp & GDTX	1.749.765	
2	Trung Tâm Bồi dưỡng chính trị	2.571.256	
3	Phòng Lao động TBXH	236.000	
II	Sự nghiệp Y tế	607.920	
1	Phòng Y tế (tiền lương y tế thôn bản)	607.920	
III	Các đơn vị sự nghiệp	3.992.407	
1	Trung Tâm Văn hóa, thông tin và thể thao	3.779.140	
2	Sự nghiệp văn thư lưu trữ	213.266	
IV	Chi Quản Lý hành chính	35.183.957	
IV.1	Khối đảng	9.541.986	
1	Văn phòng Huyện uỷ	6.678.211	
2	Ban Tổ chức	796.194	
3	Ban Tuyên giáo	1.167.194	
4	Ban Dân vận	568.194	
5	UB Kiểm tra Đảng	332.194	
IV.2	Khối Mặt trận, đoàn thể	5.100.297	
1	Mặt trận	1.554.823	
2	Huyện đoàn	1.212.202	
3	Hội Phụ Nữ	986.043	
4	Hội Nông Dân	875.798	
5	Hội Cựu chiến binh	471.431	
IV.3	Quản lý nhà nước	20.541.673	
1	Văn Phòng HĐND - UBND	8.058.705	
2	Hội Đồng Nhân dân	1.149.552	
3	Phòng Nội vụ	1.371.767	
4	Phòng Tài chính - KH	1.252.725	
5	Phòng Lao động TBXH	924.532	
6	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	774.067	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
7	Phòng Văn hóa thông tin	1.548.599	
8	Phòng Tài nguyên & MT	730.177	
9	Phòng NN& PTNT	972.826	
10	Phòng Tư pháp	522.144	
11	Thanh tra huyện	612.580	
12	Phòng Dân tộc	706.183	
13	Phòng Y tế	320.128	
14	Phòng Giáo dục & Đào tạo	1.193.324	
15	Hội chữ thập đỏ	404.363	
V	An ninh quốc phòng	4.525.389	
1	Chi An ninh	1.870.500	
2	Chi Quốc phòng	2.654.889	
VI	Chi đảm bảo xã hội	9.030.000	
1	Phòng Lao động TBXH	9.030.000	
VII	Sự nghiệp kinh tế	1.642.465	
1	Trung tâm DVNN huyện	1.642.465	
VIII	Chi khác	708.000	
1	Tòa án nhân dân huyện	20.000	
2	Chi cục Thi hành án dân sự huyện	40.000	
3	Ngân hàng chính sách xã hội huyện	500.000	
4	Chi cục Thống kê huyện	15.000	
5	Viện kiểm sát nhân dân	25.000	
6	Liên đoàn lao động huyện	78.000	
7	Văn phòng đăng ký đất đai	30.000	

Ghi chú: Chi tiết các khoản bổ sung theo phụ lục đính kèm.

TỔNG HỢP KINH PHÍ PHÂN BỐ SUNG CHO CÁC ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN VÀO DỰ TOÁN 2020

(Kèm theo Quyết định số 563 /QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND huyện)

ĐVT: 1.000đ

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
	TỔNG CỘNG	29.349.356	16.755.000	46.104.356	
I	Sự nghiệp giáo dục & Đào tạo	11.340.048	6.413.000	17.753.048	
I.1	Sự nghiệp giáo dục	9.566.048	5.380.000	14.946.048	
1	Trường MG Hoa Sen	300.000	0	300.000	
	KP Xây công trường, hàng rào, san nền điểm trường thôn Plei Pông	300.000		300.000	Giao Phòng GD&ĐT thực hiện
2	Trường MG Vàng Anh	126.000	0	126.000	
	KP Sửa chữa khắc phục con bơm số 4	80.000		80.000	
	KP khoan giếng và lắp hệ thống bồn nước rửa cho HS	46.000		46.000	
3	Trường MN Hoa Phong Lan	32.000	0	32.000	
	KP khoan giếng khu lẻ	32.000		32.000	
4	Trường MG Hoa Pơ Lang	200.000	0	200.000	
	KP làm nhà vệ sinh	200.000		200.000	Giao Phòng GD&ĐT thực hiện
5	Trường TH Chu Văn An	300.000	0	300.000	
	KP làm công, hàng rào	300.000		300.000	Giao Phòng GD&ĐT thực hiện
6	Trường TH Phan Chu Trinh	35.000	0	35.000	
	KP khoan giếng khu lẻ	35.000		35.000	
7	Trường TH Trần Phú	50.000	0	50.000	
	KP khoan giếng	50.000		50.000	

STT	Tên đơn vị/ nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
8	Trường TH Nguyễn Tri Phương	200.000	0	200.000	
	KP làm nhà vệ sinh	200.000		200.000	Giao Phòng GD&ĐT thực hiện
9	Trường TH Nay Der	400.000	0	400.000	
	KP sửa chữa các phòng học	400.000		400.000	Giao Phòng GD&ĐT thực hiện
10	Trường TH Ngô Quyền	250.000	0	250.000	
	KP làm nhà vệ sinh	200.000		200.000	Giao Phòng GD&ĐT thực hiện
	Khoan giếng và lắp hệ thống bồn nước rửa cho HS	50.000		50.000	
11	Trường THCS Quang Trung	200.000	0	200.000	
	KP làm sân khấu, sân bê tông và lối đi từ cổng vào khu vực hành chính	100.000		100.000	
	Khoan giếng	100.000		100.000	
12	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	300.000	0	300.000	
	KP Sửa chữa nền nhà học 10 phòng	300.000		300.000	Giao Phòng GD&ĐT thực hiện
13	Trường THCS Nguyễn Du	200.000	0	200.000	
	KP cải tạo cổng, làm hàng rào	200.000		200.000	Giao Phòng GD&ĐT thực hiện
14	Trường THCS Lê Quý Đôn	200.000	0	200.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
	KP làm hàng rào	200.000		200.000	Giao Phòng GD&ĐT thực hiện
15	KP hỗ trợ các trường bán trú theo mô hình của huyện	470.848	0	470.848	
15.1	Khởi tiêu học	342.435	0	342.435	
-	Trường TH Nguyễn Tri Phương	42.804		42.804	
	KP Hỗ trợ tiền điện, ...	2.000		2.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	35.804		35.804	
	KP Kiểm định nguồn nước	5.000		5.000	
-	Trường TH Phan Chu Trinh	42.804		42.804	
	KP Hỗ trợ tiền điện, ...	2.000		2.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	35.804		35.804	
	KP Kiểm định nguồn nước	5.000		5.000	
-	Trường TH Lê Lợi	42.804		42.804	
	KP Hỗ trợ tiền điện, ...	2.000		2.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	35.804		35.804	
	KP Kiểm định nguồn nước	5.000		5.000	
-	Trường TH Nguyễn Trãi	42.804		42.804	
	KP Hỗ trợ tiền điện, ...	2.000		2.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	35.804		35.804	
	KP Kiểm định nguồn nước	5.000		5.000	
-	Trường TH Lý Tự Trọng	42.804		42.804	
	KP Hỗ trợ tiền điện, ...	2.000		2.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	35.804		35.804	
	KP Kiểm định nguồn nước	5.000		5.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	35.804		35.804	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
	KP Kiểm định nguồn nước	5.000		5.000	
-	Trường TH Kpả Klông	42.804		42.804	
	KP Hỗ trợ tiền điện, ...	2.000		2.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	35.804		35.804	
	KP Kiểm định nguồn nước	5.000		5.000	
-	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	42.804		42.804	
	KP Hỗ trợ tiền điện, ...	2.000		2.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	35.804		35.804	
	KP Kiểm định nguồn nước	5.000		5.000	
-	Trường TH Anh Hùng Vũu	42.804		42.804	
	KP Hỗ trợ tiền điện, ...	2.000		2.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	35.804		35.804	
	KP Kiểm định nguồn nước	5.000		5.000	
15.2	Khôi THCS	128.413		128.413	
-	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	42.804		42.804	
	KP Hỗ trợ tiền điện, ...	2.000		2.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	35.804		35.804	
	KP Kiểm định nguồn nước	5.000		5.000	
-	Trường THCS Ngô Gia Tự	42.804		42.804	
	KP Hỗ trợ tiền điện, ...	2.000		2.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	35.804		35.804	
	KP Kiểm định nguồn nước	5.000		5.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
-	Trường THCS Lê Quý Đôn	42.804		42.804	
	KP Hỗ trợ tiên điện, ...	2.000		2.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	35.804		35.804	
	KP Kiểm định nguồn nước	5.000		5.000	
16	Phòng Giáo dục &ĐT huyện	2.000.000	4.573.000	6.573.000	
-	KP hoạt động chuyên môn	2.000.000	4.573.000	6.573.000	
	- Khối Mẫu giáo	220.000		220.000	Theo Phụ lục 02 đính kèm
	- Khối Tiểu học	540.000		540.000	
	- Khối THCS	1.240.000		1.240.000	
-	KP hỗ trợ mua sắm dụng cụ thể chất, hệ thống nước sạch cho các trường		4.573.000	4.573.000	Giao Phòng GD&ĐT tham mưu phân bổ chi
17	Trường THCS Dân tộc nội trú	4.302.200	807.000	5.109.200	
-	KP thực hiện chính sách về học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư 109/2009/TTLT/BTC-BGD&ĐT	4.267.200	807.000	5.074.200	
-	KP khoan giếng	35.000		35.000	
1.2	Sự nghiệp đào tạo	1.774.000	1.033.000	2.807.000	
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp & GDTX	554.000	0	554.000	
1.1	Kinh phí mở lớp	450.000		450.000	
1.2	Phần mềm kế toán Misa	12.000		12.000	
1.3	Kinh phí đồ bê tông trước đây phòng học mới	92.000		92.000	
2	Trung tâm BDC	1.140.000	877.000	2.017.000	
2.1	Kinh phí mở lớp đào tạo	650.000		650.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tính bổ sung		
2.2	KP đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã theo QĐ số 124/QĐ-TTg		877.000	877.000	
2.3	Kinh phí làm nhà vệ sinh và mái che mưa phía sau hội trường B	450.000		450.000	
2.4	KP trang bị 01 bộ máy chiếu độ phân giải cao phục vụ giảng dạy	40.000		40.000	
3	Phòng Lao động TB&XH huyện	80.000	156.000	236.000	
3.1	KP hỗ trợ kinh phí học nghề cho đối tượng 2,3 năm 2020	80.000		80.000	
3.2	KP hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học theo QĐ số 66/2013/QĐ-TTg		89.000	89.000	
3.3	KP hỗ trợ học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg		67.000	67.000	
II	Các đơn vị sự nghiệp và QLNN	16.153.144	221.000	16.374.144	
II.1	Sự nghiệp y tế	0	0	0	
II.2	Các đơn vị sự nghiệp	1.952.950	0	1.952.950	
I	Trung Tâm Văn hóa, thông tin và thể thao	1.827.950	0	1.827.950	
1.1	KP chi trả nhuận bút, thù lao và làm chương trình phát thanh tiếng Jrai				Định mức ổn định g đoạn 2017-2020
1.2	KP chi trả tiền điện máy thu và phát sóng, Internet băng thông rộng	280.000		280.000	
1.3	KP sửa chữa máy móc thiết bị chuyên dụng của Đài huyện và các trạm truyền thanh các xã				
1.4	KP hỗ trợ Đài tỉnh về thực hiện trang PT-TH trên sóng Đài tỉnh	36.000		36.000	
1.5	KP làm phóng sự ảnh, khung ảnh	45.000		45.000	BS KH chi tiết
1.6	KP làm phóng sự phim	50.000		50.000	
1.7	KP đổ đường bê tông trong khuôn viên trụ sở	20.000		20.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
1.8	KP sửa chữa hệ thống âm thanh ánh sáng	20.000		20.000	
1.9	KP phục vụ tuyên truyền	115.000		115.000	
-	KP băng rôn, đề can tuyên truyền	65.000		65.000	
-	KP tổ chức văn nghệ mừng đảng mừng xuân và đi tuyên truyền các xã, thị trấn	50.000		50.000	
1.10	KP Sự nghiệp TDTT năm 2020	150.450		150.450	Định mức ổn định g đoạn 2017-2020
1.11	KP tổ chức Hội thi văn hóa, thể thao và các dân tộc thiểu số cấp huyện và tham gia cấp tỉnh	160.000		160.000	
1.12	KP tổ chức Lễ hội văn hóa du lịch năm 2020	150.000		150.000	
1.13	KP tham dự hội diễn nghệ thuật quần chúng tỉnh Gia Lai lần thứ II năm 2020	50.000		50.000	
1.14	KP Tổ chức toàn dân tập luyện bơi lội phòng, chống đuối nước năm 2020	20.000		20.000	
1.15	KP Trưng bày, giới thiệu sách tại các điểm trường; Bổ sung nguồn đầu sách thư viện và các thiết bị khác của thư viện	10.000		10.000	
1.16	KP tuyên truyền và văn nghệ lễ giao quân năm 2020	15.000		15.000	
1.17	KP hoạt động nhà khách, nhà ăn và tiếp khách liên cơ quan	101.500		101.500	Chờ phương án đư duyet, tạm cấp 50%
1.18	KP mua máy vi tính xách tay chuyên dùng	15.000		15.000	
1.19	KP mua máy ghi âm chuyên dùng	40.000		40.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
1.20	KP mua máy phô tô	50.000		50.000	
1.21	KP mua Ma nì, dây néo trụ cột ăng ten	20.000		20.000	
1.22	KP mua Bộ tích điện chuyên dùng	20.000		20.000	
1.23	KP mua sắm cụm loa không dây FM kỹ thuật số KH năm 2020	350.000		350.000	
1.24	KP sửa chữa Pano áp phích, làm vòng xuyên tuyến truyền	110.000		110.000	
2	Sự nghiệp văn thư lưu trữ	45.000	-	45.000	
2.1	KP tập huấn văn thư lưu trữ	15.000		15.000	
2.2	KP làm bìa, hộp lưu trữ của huyện	30.000		30.000	
3	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	80.000	-	80.000	
2.1	KP mua Máy vi tính để bàn (02 bộ)	30.000		30.000	
2.2	KP mua Bình bảo ôn (dùng bảo quản vắc xin)	15.000		15.000	
2.3	KP mua Máy Scan	5.000		5.000	
2.4	KP mua Máy đo N-P-K đất, Máy đo PH đất	20.000		20.000	
2.5	KP mua Máy kiểm tra độ PH nước phục vụ Kiểm tra nuôi trồng thủy sản	10.000		10.000	
II.3	Các đơn vị QLNN, Mặt trận đoàn thể và các tổ chức chính trị xã hội	14.200.194	221.000	14.421.194	
II.3.1	Khối Đảng	3.656.000	0	3.656.000	
1	Ban tổ chức	638.000	0	638.000	
1.1	Kinh phí chăm sóc sức khỏe do BTV tỉnh quản lý	115.000		115.000	
1.2	Kinh phí chăm sóc sức khỏe do BTV huyện quản lý	245.000		245.000	
1.3	Kinh phí chi công tác xã hội (thăm hỏi ốm đau hiếu hỷ)	80.000		80.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
1.4	Kinh phí hoạt động bảo vệ chính trị nội bộ	73.000		73.000	
1.5	Kinh phí phục vụ công tác xây dựng đảng	55.000		55.000	
1.6	Kinh phí công tác chính sách cán bộ	70.000		70.000	
2	Ban dân vận	410.000	0	410.000	
2.1	Kinh phí Ban chỉ đạo QCDân chủ	32.000		32.000	
2.2	Kinh phí phụ trách làng	100.000		100.000	
2.3	Kinh phí triển khai chỉ thị 49 của BTV HU	27.000		27.000	
2.4	Kinh phí công tác phát động quần chúng	20.000		20.000	
2.5	Kinh phí thực hiện QĐ số 21-QĐ/HU (cốt cán)	102.000		102.000	
2.6	Kinh phí tuyên truyền nạo tạo hôn, vay nặng lãi đất ở, đất sản xuất	15.000		15.000	
2.7	KP xây dựng mô hình, điển hình phong trào (DV khéo)	60.000		60.000	
2.8	Kinh phí thực hiện chỉ thị 12-CT/TU về XD nông thôn mới	22.000		22.000	
2.9	Kinh phí sơ, tổng kết thực hiện QĐ 217.218-QĐ/TW	12.000		12.000	
2.10	Kinh phí vận động từ bỏ "ma lai" "thuốc thư"	20.000		20.000	
3	Ban Tuyên giáo	1.009.000	0	1.009.000	
3.1	Kinh phí mua tạp chí, tài liệu phục vụ tuyên truyền	27.000		27.000	
3.2	Kinh phí BCD cuộc vận động "HCM"	47.000		47.000	
3.3	Kinh phí học tập quán triệt NQ/TW khóa XII	43.000		43.000	
3.4	Kinh phí hội nghị báo cáo viên	26.000		26.000	
3.5	Kinh phí thực hiện nhiệm kỳ năm hành động	62.000		62.000	
3.6	Kinh phí tổ chức hội nghị công tác viên dự luận xã hội	20.000		20.000	
3.7	Kinh phí Ban chỉ đạo 35	70.000		70.000	Phụ cấp tính vào lu
3.8	Kinh phí bồi dưỡng lực lượng nông cốt tuyên truyền cấp cơ sở	34.000		34.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
3.9	Kinh phí biên soạn Lịch sử Đảng bộ huyện	660.000		660.000	
3.10	Kinh phí tổ chức tọa đàm kỷ niệm 90 năm ngày truyền thống công tác Tuyên giáo	20.000		20.000	
4	Ủy ban kiểm tra đảng	174.000	0	174.000	
4.1	Kinh phí đoàn kiểm tra giám sát, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo	67.000		67.000	
4.2	Kinh phí hội nghị sơ, tổng kết công tác KTGS, quy chế phối hợp	17.000		17.000	
4.3	Kinh phí triển khai thực hiện đề án 02-ĐA/HU	50.000		50.000	
4.4	Kinh phí tập chỉ kiểm tra phục vụ cấp ủy, cấp cơ sở, văn bản liên quan công tác KTGS	40.000		40.000	
5	Văn phòng Huyện ủy	1.425.000	0	1.425.000	
5.1	Kinh phí dự phòng cấp ủy 5% (theo Thông tư liên tịch số 216/2004/TTLT-BTCQT-BTC)	200.000		200.000	
5.2	Kinh phí đặc thù của Thường trực	500.000		500.000	
5.3	Kinh phí cấp ủy theo Quyết định 856-QĐ/TU	300.000		300.000	
5.4	Kinh phí tuyên truyền, đăng báo, đặt báo	80.000		80.000	
5.5	Kinh phí tiếp công dân, công tác nội chính	25.000		25.000	
5.6	Kinh phí huấn luyện DQTV, mua trang phục	5.000		5.000	
5.7	Kinh phí kỷ niệm 90 năm ngày truyền thống Văn phòng cấp ủy	50.000		50.000	
5.8	Kinh phí lắp đặt Camera an ninh cơ quan	35.000		35.000	
5.9	Kinh phí sửa chữa đột cơ quan Huyện ủy	90.000		90.000	
5.10	Kinh phí sửa chữa phòng tiếp khách Huyện ủy	90.000		90.000	
5.11	Kinh phí kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng CSVN	50.000		50.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
II.3.2	Khối đoàn thể	1.449.776	0	1.449.776	
1	UB Mặt trận TQVN huyện	345.000	0	345.000	
1.1	KP tổ chức thăm hỏi, chúc mừng, gặp mặt các Chức sắc tôn giáo	25.000		25.000	
1.2	KP di dời chuồng trại thực hiện CVD Lâm thay đổi nếp nghĩ cách làm trong DBDTT	25.000		25.000	
1.3	Kinh phí hoạt động BVD quy "Vì người nghèo"	20.000		20.000	
1.4	KP tổ chức Hội nghị biểu dương người uy tín trong DB DTTS cấp huyện và đi tỉnh	45.000		45.000	
1.5	KP tổ chức điểm ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc	20.000		20.000	
1.6	KP tổ chức hoạt động giám sát và phân biện XH	20.000		20.000	
1.7	Kinh phí mua sắm tài sản	15.000		15.000	
1.8	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện DQTV cho khối MT - DT	5.000		5.000	
1.9	KP tổ chức HN biểu dương tập thể, cá nhân tiêu biểu trong công tác xây dựng MT nhân kỷ niệm 90 năm thành lập	30.000		30.000	
1.10	Kinh phí hội thao cấp huyện và tham gia cấp tỉnh	120.000		120.000	
1.11	Kinh phí triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Trung ương MTQ Việt Nam lần thứ IX, MTQ VN tỉnh Gia Lai lần thứ X, MTQ VN huyện lần thứ III, nhiệm kỳ 2019-2024	20.000		20.000	
2	Hội người cao tuổi	119.560		119.560	Cấp vào Mặt tr
2.1	KP hoạt động Hội người cao tuổi	89.560		89.560	Lương: 67.944
2.2	KP tổ chức tập huấn cán bộ Hội cơ sở	15.000		15.000	
2.3	KP Tổ chức kỷ niệm 25 năm thành lập Hội, kết hợp với tổ chức hội nghị biểu dương cán bộ hội tiêu biểu	15.000		15.000	
3	Huyện đoàn	358.000	0	358.000	
3.1	KP thực hiện Chương trình "Tình nguyện mùa đông" năm 2020	15.000		15.000	
3.2	Kinh phí tổ chức Lễ ra quân tháng thanh niên năm 2020	6.000		6.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tính bổ sung		
3.3	KP tổ chức Hội thi "Giáo viên - TP.T Đội giỏi" năm 2020 (tổ chức cấp huyện và tham gia cấp tỉnh)	20.000		20.000	
3.4	KP Tham gia T.rai huấn luyện cán bộ Đoàn Trường học năm học 2019-2020 tại tỉnh	20.000		20.000	
3.5	KP Tham gia T.rai hệ thiếu nhi tại tỉnh	10.000		10.000	
3.6	KP Tham gia T.rai huấn luyện cán bộ Đoàn - Hội tại tỉnh	20.000		20.000	
3.7	KP tổ chức Hội trại gắn với Đại hội châu ngaoan Bắc Hồ nhiệm kỳ 2019-2024 (tổ chức cấp huyện và tham gia cấp tỉnh)	45.000		45.000	
3.8	KP Hoạt động hè năm 2020	80.000		80.000	
3.9	KP tổ chức giám sát, phản biện xã hội năm 2020	5.000		5.000	
3.10	KP Tổ chức Ngày hội Thiếu nhi vui khỏe, Tiến bước lên đoàn năm 2020	10.000		10.000	
3.11	KP tổ chức Hội thi "Tìm hiểu pháp luật" dành cho thanh niên DTTS, thanh niên TDTG	15.000		15.000	
3.12	KP tổ chức Hoạt động đưa thiếu nhi về địa chỉ đỏ tại xã Krong-huyện Kbang	15.000		15.000	
3.13	KP tổ chức Hội thi Tuổi trẻ Phú Thiện với VHGT cấp huyện và tham gia cấp tỉnh	20.000		20.000	
3.14	KP tổ chức Hội trại tòng quân	35.000		35.000	
3.15	KP xây dựng điểm vui chơi chào mừng Đại hội Đảng	30.000		30.000	
3.16	Kinh phí mua phần mềm kế toán misa	12.000		12.000	
4	Hội Cựu TNXP	141.216	0	141.216	Cấp vào Huyện đã
4.1	KP hoạt động Hội cựu TNXP	103.216		103.216	lượng 81.216
4.2	KP tổ chức Hội thi tìm hiểu lịch sử Hội cựu TNXP qua các thời kỳ	12.000		12.000	
4.3	KP tổ chức Hội thi những việc làm tiêu biểu, điển hình vì nghĩa tình đồng đội	10.000		10.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
4.4	KP tọa đàm kỷ niệm 70 năm thành lập Hội cựu TNXP Việt Nam	10.000		10.000	
4.5	KP trang bị cơ sở vật chất (01 bộ bàn ghế tiếp khách)	6.000		6.000	
5	Hội liên hiệp phụ nữ	251.000	0	251.000	
5.1	KP triển khai các hoạt động về an toàn thực phẩm năm 2020 (tổ chức phiên chợ Tết năm 2020)	20.000		20.000	
5.2	KP tổ chức Diễn đàn “Chung tay hành động – Vì an toàn cho phụ nữ và trẻ em”	15.000		15.000	
5.3	KP tổ chức tổ chức hoạt động “ <i>về nguồn</i> ” và phối hợp với hội LHPN tỉnh xây dựng bia di tích cơ quan Hội LHPN tỉnh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ tại xã Krong - Kbang nhân kỷ niệm 45 năm giải phóng tỉnh Gia Lai	15.000		15.000	
5.4	KP tổ chức tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến lần thứ II của Hội LHPN huyện Phú Thiện	20.000		20.000	
5.5	KP tổ chức tổ chức Ngày hội Phụ nữ khởi nghiệp và Hội chợ kết nối sản phẩm	15.000		15.000	
5.6	KP tổ chức tổ chức Hội thi Chi hội trưởng giỏi năm 2020 (Cấp tỉnh, huyện)	20.000		20.000	
5.7	Kinh phí tổ chức 02 cuộc giám sát phân biện xã hội	10.000		10.000	
5.8	KP tổ chức tổ chức mít tin kỷ niệm 90 năm thành lập Hội LHPN Việt Nam và Ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10), 75 năm ngày thành lập Hội LHPN tỉnh Gia Lai. (cấp: tỉnh, huyện)	20.000		20.000	
5.9	KP tổ chức tổ chức hội nghị biểu dương thực hiện Đề án 1938 “Tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ trong tình hình mới”	20.000		20.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
5.10	KP tổ chức Hội nghị quán triệt NQ Đại hội các cấp 2020 tỉnh - huyện	10.000		10.000	
5.11	KP tổ chức cuộc thi mâm cơm đình dưỡng	15.000		15.000	
5.12	KP tập huấn CB, công chức Hội LHPN giai đoạn 2019-2025	24.000		24.000	
5.13	KP Mua máy vi tính	15.000		15.000	
5.14	KP mua 01 bộ loa kéo di động, micro	20.000		20.000	
5.15	Kinh phí mua phần mềm kế toán misa	12.000		12.000	
6	Hội nông dân	175.000	0	175.000	
6.1	Kinh phí tổ chức Hội thi “Trống hát đồng quê” lần thứ V năm 2020 chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Đại hội toàn quốc lần thứ XIII; tham gia Hội thi “Tiếng hát đồng quê” lần thứ V năm 2020 cấp tỉnh	40.000		40.000	
6.2	Kinh phí tổ chức Hội nghị quán triệt Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ và tỉnh Đảng bộ cho cán bộ, hội viên nông dân toàn huyện	15.000		15.000	
6.3	Kinh phí tổ chức Gặp mặt cán bộ, hội viên nông dân nhân dịp chào mừng 90 năm thành lập Hội nông dân Việt Nam (14/10/1930 – 14/10/2020)	30.000		30.000	
6.4	Kinh phí tổ chức Hội nghị biểu dương "Nông dân điển hình tiên tiến" lần thứ III giai đoạn 2015-2020, tham gia Hội nghị biểu dương "Nông dân điển hình tiên tiến" lần thứ IV giai đoạn 2015-2020 do tỉnh tổ chức	20.000		20.000	
6.5	KP tổ chức 02 Hội nghị tập huấn cho hội viên nông dân	10.000		10.000	
6.6	Kinh phí tổ chức Hội nghị tập huấn của 04 CLB nông dân với pháp luật của 04 xã Ia Ke, Ia peng, Chư Athai và TT. Phú Thiện	10.000		10.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
6.7	Kinh phí tổ chức 2 Hội nghị tập huấn (thành lập Hợp tác xã và Xây dựng nông thôn mới)	15.000		15.000	
6.8	Kinh phí thực hiện Quy chế giám sát và phân biện xã hội của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội (<i>Ban hành kèm theo Quyết định 217 – QĐ/TW, ngày 12/12/2013</i>)	5.000		5.000	
6.9	KP tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện đề án 61 của huyện	5.000		5.000	
6.10	Kinh phí mua 01 bộ máy vi tính	15.000		15.000	
6.11	KP Giao ban cụm thi đua số 3 Hội nông dân tỉnh	10.000		10.000	
7	Hội Cựu chiến binh	60.000	0	60.000	
7.1	KP Tổ chức Hội thi Chủ tịch Hội cơ sở giỏi lần thứ II, năm 2020 (tổ chức cấp huyện và tham gia cấp tỉnh)	25.000		25.000	
7.2	KP tọa đàm 30 năm ngày thành lập Hội CCB tỉnh Gia Lai (01/03/1989 - 01/03/2020)	10.000		10.000	
7.3	KP Tổ chức giám sát, phân biện xã hội năm 2020	5.000		5.000	
7.4	KP Mua máy scanner	5.000		5.000	
7.5	KP Tổ chức thăm lại chiến trường xưa khu cách mạng	15.000		15.000	
II.3.3	Khối hành chính	9.094.418	221.000	9.315.418	
1	Văn phòng HĐND - UBND	5.087.000	0	5.087.000	
1.1	Kinh phí đặc thù cho lãnh đạo UBND+HĐND	700.000		700.000	
1.2	Kinh phí ISO	50.000		50.000	
1.3	Chi nhuận bút trên trang thư điện tử của huyện	70.000		70.000	
1.4	Kinh phí tuyên truyền	100.000		100.000	
1.5	KP tập huấn Dân quân tự vệ	20.000		20.000	
1.6	KP gấp mặt và tổ chức các Hội nghị liên quan đến doanh nghiệp	70.000		70.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
1.7	KP tổ chức các hội nghị	100.000		100.000	
1.8	KP bảo trì, bảo dưỡng hệ thống CNTT 2020	72.000		72.000	
1.9	Kinh phí bảo trì, nâng cấp Website	40.000		40.000	
1.10	Kinh phí phục vụ Ban tiếp công dân và Nhà một cửa điện tử	300.000		300.000	
1.11	Kinh phí Hội trường chung	200.000		200.000	
1.12	KP trang bị phần mềm tổng hợp kết quả giải quyết hồ sơ tại một cửa	65.000		65.000	
1.13	KP trang bị phần mềm công khai tiến độ giải quyết thủ tục hành chính	15.000		15.000	
1.14	KP lắp đặt hệ thống truyền hình trực tuyến 10 xã, thị trấn	1.974.000		1.974.000	
1.15	Kinh phí may rèm cửa, khăn trải bàn Hội trường chung	86.000		86.000	
1.16	Kinh phí mua bàn ghế các phòng họp (thay thế các bàn+ghế hư hỏng)	240.000		240.000	
1.17	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phòng khách trụ sở HDND-UBND huyện	50.000		50.000	
1.18	KP tổ chức Tết Nguyên đán cho làng Plei Tró, xã Chư A Thai	45.000		45.000	
1.19	KP sửa chữa 02 xe ô tô	340.000		340.000	
1.20	Chênh lệch Nghị quyết 89/2018/NQ-HĐND so với Nghị quyết 79	550.000		550.000	
2	Phòng Nội vụ	796.983		796.983	
2.2	Kinh phí công tác tôn giáo	50.000		50.000	
2.3	Kinh phí phục vụ công tác CCHC	15.000		15.000	
2.4	Kinh phí cụm thi đua số 3	25.000		25.000	
2.5	Kinh phí tổ chức các cuộc họp Hội đồng năng lực và Hội đồng kỷ luật	15.000		15.000	
2.6	KP triển khai Nghị quyết 18,19-NQ/TW	15.000		15.000	
2.8	KP tổ chức Hội nghị diễn hình tiên cấp huyện	100.000		100.000	
2.9	Quý khen thưởng tập trung	576.983		576.983	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
3	Phòng Tài chính - KH	250.000		250.000	
3.1	Kinh phí hoạt động của các đoàn kiểm tra LN	20.000		20.000	
3.2	Kinh phí ứng dụng tabmis (bao gồm tiền điện và thuê bao đường truyền Internet)	100.000		100.000	
3.3	KP hoạt động Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự	30.000		30.000	
3.4	KP hỗ trợ hoạt động cấp giấy phép kinh doanh	20.000		20.000	
3.5	KP khảo sát giá đất và xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất	25.000		25.000	
3.6	KP mua phần mềm đăng ký kinh doanh	25.000		25.000	
3.7	KP xây dựng dự toán thu, chi NSNN thời kỳ ổn định ngân sách 2021-2025	30.000		30.000	
4	Phòng Lao động TBXH	363.216	18.000	381.216	
4.1	Kinh phí Hội nạn nhân chất độc da cam	78.216		78.216	Trên lương: 57.2
4.2	Kinh phí Ban liên lạc cựu tù chính trị	15.000		15.000	
4.3	Kinh phí Ban vì sự tiến bộ phụ nữ	20.000		20.000	
4.4	KP thăm tặng quà tết Nguyên Đán 2020 (không kể đối tượng BTXH)	120.000		120.000	
4.5	KP hỗ trợ rà soát hộ nghèo, tập huấn nghèo	25.000		25.000	
4.6	KP hỗ trợ điều tra, tập huấn cung cầu lao động	10.000		10.000	
4.7	KP tổ chức Quốc tế thiếu nhi và tháng hành động vì trẻ em	20.000		20.000	
4.8	KP tổ chức Tết trung thu 2020	15.000		15.000	
4.9	KP tuần lễ an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ	10.000		10.000	
4.10	KP thực hiện Chương trình phòng chống ma túy năm 2020	10.000		10.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
4.11	KP thực hiện Chương trình hành động phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016-2020	10.000		10.000	
4.12	Phụ cấp hàng tháng công tác viên giám nghèo theo Nghị quyết 83/2018/NQ-HĐND tỉnh		18.000	18.000	
4.13	KP mua 02 bộ vi tính	30.000		30.000	
5	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	120.000		120.000	
5.1	KP Đoàn kiểm tra chất lượng công trình	30.000		30.000	
5.2	KP Đoàn kiểm tra liên ngành quản lý, kiểm soát thị trường, bình ổn giá	20.000		20.000	
5.3	KP hoạt động Ban ATGT huyện	50.000		50.000	
5.4	KP bổ sung mua kê, tủ lưu trữ hồ sơ	20.000		20.000	
6	Phòng Văn hóa thông tin	1.127.000	0	1.127.000	
6.1	KP hoạt động BCD phong trào TD ĐKXD ĐSVH	20.000		20.000	
6.2	KP khen thưởng phong trào TD ĐKXD ĐSVH	50.000		50.000	
6.3	KP hoạt động BCD chính quyền điện tử	15.000		15.000	
6.4	KP hoạt động đội kiểm tra liên ngành các dịch vụ văn hóa phẩm	10.000		10.000	
6.5	KP hoạt động khu di tích Plei Ôi	70.000		70.000	
6.6	KP trang bị hệ thống đài truyền thanh không dây xã Chroh Poman	476.000		476.000	
6.7	KP trang bị hệ thống đài truyền thanh không dây xã Ia Hiao	476.000		476.000	
6.8	KP kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan đơn vị trong việc ứng dụng công nghệ thông tin	10.000		10.000	
7	Phòng Dân tộc	65.000	203.000	268.000	
7.1	KP thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS năm 2020 (Tổ chức 02 lớp tập huấn và thăm, tặng quà Tết)		203.000	203.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
7.2	KP mua máy photo	50.000		50.000	
7.3	KP mua 01 máy vi tính	15.000		15.000	
8	Phòng Tài nguyên & MT	50.000	0	50.000	
8.1	KP giải quyết khiếu nại, khiếu kiện	20.000		20.000	
8.2	KP Đầu giá giao đất có thu tiền sử dụng đất	15.000		15.000	
8.3	KP mua 01 máy vi tính	15.000		15.000	
9	Phòng NN& PTNT	30.000	0	30.000	
6	KP mua 02 máy vi tính	30.000		30.000	
10	Phòng Tư pháp	165.000		165.000	
10.1	Kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật	40.000		40.000	
10.2	KP mua biểu mẫu hộ tịch	35.000		35.000	
10.3	KP Hội luật gia	30.000		30.000	
10.4	KP kiểm tra, rà soát văn bản QPPL	5.000		5.000	
10.5	KP triển khai thực hiện Ngày pháp luật	5.000		5.000	
10.6	KP triển khai đăng ký nuôi con nuôi	5.000		5.000	
10.7	KP tổ chức tập huấn hòa giải viên giới ở cơ sở	20.000		20.000	
10.8	KP theo dõi, thi hành pháp luật	10.000		10.000	
10.9	KP Chuẩn tiếp cận pháp luật	10.000		10.000	
10.10	KP mua sách pháp luật	5.000		5.000	
11	Thanh tra huyện	90.000	0	90.000	
11.1	KP hỗ trợ tiếp công dân, GQKN, TC và chi hỗ trợ cho các đoàn thanh tra đột xuất	40.000		40.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
11.2	KP tập huấn tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng	50.000		50.000	
12	Phòng Y tế	215.000	0	215.000	
12.1	KP phục vụ khám tuyến nghĩa vụ quân sự và khám tuyến sinh quân sự năm 2020, xét nghiệm ma túy đá	148.000		148.000	
12.2	KP đoàn kiểm tra VSATTP và Y được tư nhân	15.000		15.000	
12.3	KP phòng chống HIV/AIDS năm 2020	32.000		32.000	
12.4	KP tổ chức kỷ niệm 65 năm ngày Thầy thuốc Việt Nam	20.000		20.000	
13	Phòng Giáo dục & Đào tạo	330.856	0	330.856	
13.1	KP mua 02 máy vi tính	30.000		30.000	
13.2	KP xây dựng khuôn viên, nâng cấp sân bê tông đường đi nội bộ	150.000		150.000	
13.3	KP hoạt động Hội Khuyến học	125.856		125.856	Tiền lương: 110,856
13.4	KP hoạt động Hội Cựu giáo chức	25.000		25.000	
14	Hội chữ thập đỏ	404.363		404.363	
14.1	Kinh phí hoạt động	284.363		284.363	Quỹ tiền lương: 214,363trđ
14.2	KP Tổ chức hiến máu nhân đạo (02 đợt) và tổ chức lễ tôn vinh khen thưởng những người hiến máu nhân đạo	70.000		70.000	
14.3	KP hỗ trợ tặng quà	20.000		20.000	
14.4	KP ghi nhận tấm lòng vàng	5.000		5.000	
14.5	KP tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến	25.000		25.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
III	An ninh, quốc phòng	1.148.164	1.322.000	2.470.164	
I	Công an	605.000	1.000.000	1.605.000	
1.1	KP chi bảo đảm trật tự trên địa bàn huyện trước trong và sau lễ 19/8 và 02/9	40.000		40.000	
1.2	Chi đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện trước, trong và sau đại hội Đảng các cấp	50.000		50.000	
1.3	KP phục vụ công tác tuyên truyền phục vụ công tác vận động, thu gom vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tiêu hủy vũ khí, súng tự chế	20.000		20.000	
1.4	KP phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc	20.000		20.000	
1.5	KP chuyển hóa địa bàn trọng điểm phức tạp về ANTT	10.000		10.000	
1.6	KP xây dựng mô hình trọng điểm trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm	10.000		10.000	
1.7	KP thực hiện Thông tư 23 của Bộ Công an	20.000		20.000	
1.8	KP Ban chỉ đạo bảo vệ bí mật nhà nước	15.000		15.000	
1.9	KP tiếp xúc tranh thủ người có uy tín	50.000		50.000	
1.10	KP thăm tra lý lịch, tuyển chọn công dân tham gia nghĩa vụ năm 2020	20.000		20.000	
1.11	KP tổ chức tập huấn người có uy tín trong đồng bào DTTS	20.000		20.000	
1.12	KP thực hiện đề án "Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật cho người đang chấp hành hình phạt tù, người bị áp dụng các biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp xử lý hành chính, người mới ra tù tái hòa nhập cộng đồng, thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, lang thang cơ nhỡ giai đoạn 2018-2021	30.000		30.000	
1.13	KP mua sắm dụng cụ, phương tiện A2 cho 10 xã, thị trấn	200.000		200.000	
1.14	KP mua sắm dụng cụ, phương tiện A2 cho Công an huyện	100.000		100.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
1.15	KP xây dựng nhà làm việc công an xã		1.000.000	1.000.000	
2	Huyện đội	543.164	322.000	865.164	
2.1	KP dự lễ tuyên thệ tại các đơn vị nhân quân	67.000		67.000	
2.2	KP Ban chỉ đạo 24 theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg	5.000		5.000	
2.3	KP hoạt động Quân bảo nhân dân	10.000		10.000	
2.4	KP tiểu đội dân quân thường trực		322.000	322.000	
2.5	KP trung đội dân quân súng máy phòng không 12,7mm	40.000		40.000	
2.6	KP bổ sung huấn luyện 02 khẩu đội dân quân còi 60	15.000		15.000	
2.7	KP tăng 2 trung đội công binh và thông tin (31 đồng chí/trung đội)	122.164		122.164	
2.8	KP Hội đồng giáo dục quốc phòng huyện	10.000		10.000	
2.9	KP làm nhà lưới tăng gia sản xuất	174.000		174.000	
2.10	KP mua quần trang dự bị động viên	100.000		100.000	
IV	KP đảm bảo xã hội	0	8.799.000	8.799.000	
1	Phòng Lao động TB&XH huyện: bổ sung kinh phí đảm bảo xã hội		8.799.000	8.799.000	
V	Các đơn vị khác - chi khác ngân sách huyện	708.000	0	708.000	
1	Toà án nhân dân huyện	20.000		20.000	
1.1	KP đoàn hội thăm (hỗ trợ thêm từ ngân sách huyện)	20.000		20.000	
2	Chi cục Thi hành án dân sự huyện	40.000	0	40.000	
2.1	KP Ban chỉ đạo thi hành án - theo Thông tư liên tịch số 14/2011/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC	30.000		30.000	
2.2	KP thực hiện quy chế phối hợp trong công tác thi hành án dân sự	10.000		10.000	
3	Liên đoàn lao động huyện	78.000	0	78.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
3.1	Kinh phí dự thi bóng chuyền chào mừng 90 năm thành lập Đảng công sản Việt Nam tại tỉnh	13.000		13.000	
3.2	KP tổ chức Hội thao CNVC-LD huyện năm 2020	50.000		50.000	
3.3	KP tham gia Hội thi văn nghệ chào mừng Đại hội Đảng các cấp tại tỉnh	15.000		15.000	
4	Chi cục Thống kê	15.000	0	15.000	
4.1	KP hỗ trợ in niên giám thống kê	15.000		15.000	
5	Viện kiểm sát nhân dân huyện	25.000	0	25.000	
5.1	KP hoạt động liên ngành kiểm sát, nhà tạm giữ và cơ quan thi hành án hình sự công an huyện	5.000		5.000	
5.2	KP hoạt động ba ngành tư pháp (Viện kiểm sát, Công an huyện, Tòa án)	10.000		10.000	
5.3	KP hoạt động liên ngành Viện kiểm sát, Công an, Kiểm lâm, Chi cục thuế, Đội quản lý thị trường số 13, Thanh tra trong việc thực hiện Quy chế phối hợp liên ngành về tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố trong công tác giải quyết vụ án hình sự, trong công tác thi hành án hình sự	10.000		10.000	
6	Ngân hàng chính sách xã hội huyện: KP ủy thác để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn huyện	500.000		500.000	
7	Văn phòng đăng ký đất đai huyện: KP tăng cường công tác cấp GCN quyền sử dụng đất	30.000		30.000	

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2019 của UBND huyện)

ĐVT: 1.000đ

STT	Nội dung	Năm học	Số tiền
	TỔNG CỘNG		2.000.000
I	Khối Mẫu giáo		220.000
1	Tổ chức các hội thảo, hội thi cấp huyện, tham gia cấp tỉnh	Trong năm 2020	80.000
2	Công tác giáo dục thường xuyên	Trong năm 2020	70.000
3	Tổ chức Lễ tuyên dương khen thưởng cho học sinh giỏi, giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi năm học 2018-2019	Học kỳ II năm học 2018-2019	35.000
4	Tổ chức lễ tổng kết năm học 2018-2019	Học kỳ II năm học 2018-2019	35.000
II	Khối Tiểu học		540.000
1	Khảo sát chất lượng cuối năm học 2019-2020	Học kỳ II năm học 2019-2020	80.000
2	Tổ chức thi tin học trẻ cấp huyện tham gia thi cấp tỉnh, bậc TH, THCS	Học kỳ II năm học 2019-2020	120.000
3	Tổ chức các hội thảo, hội thi cấp huyện, tham gia cấp tỉnh	Trong năm 2020	100.000
4	Công tác giáo dục thường xuyên	Trong năm 2020	180.000
5	Công tác đội trường học bậc TH, THCS	Trong năm 2020	60.000
III	Khối THCS		1.240.000
1	Tổ chức thi học sinh giỏi lớp 6,7,8 cấp huyện để tạo nguồn chất lượng chất lượng giáo dục mũi nhọn tham gia các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh	Học kỳ II năm học 2019-2020	190.000

STT	Nội dung	Năm học	Số tiền
2	Bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 9 tham gia thi cấp tỉnh	Học kỳ II năm học 2019-2020	400.000
3	Kiểm tra HKI năm học 2019-2020	Học kỳ I năm học 2019-2020	175.000
4	Kiểm tra học kỳ II năm học 2019-2020	Học kỳ II năm học 2019-2020	175.000
5	Tổ chức thi HSG lớp 9 cấp huyện (8 môn)	Học kỳ I năm học 2020-2021	120.000
6	Công tác giáo dục thường xuyên	Trong năm 2020	180.000